TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2026/DS-ST
Ngày: 08-5-2026
"V/v tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thuê tài sản và hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Ong Thị Ngọc Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Hùng
2. Ông Huỳnh Ngọc Trước

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Lệ Huyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 08 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 312/2026/TLST-DS ngày 30 tháng 01 năm 2026, về việc *"Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thuê tài sản và hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 212/2026/QĐST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2026 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 15 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S (gọi tắt là S); Địa chỉ trụ sở chính: Số 128 Nguyễn D, phường T, tỉnh N. Người đại diện theo pháp luật: Ông K -Chức vụ: Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồ Minh N - là đại diện theo ủy quyền của Giám đốc Công ty Cổ phần S tham gia hoạt động tố tụng; Địa chỉ: Số B, đường 30/4, phường C, tỉnh Đ. (có mặt)

- Bị đơn: Lê Văn S, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Tổ H, ấp B, xã M, thành phố C, tỉnh Đ (nay là phường M, tỉnh Đ). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty Cổ phần S và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 21/06/2024, ông Lê Văn S và Chi nhánh Đ - TP. C Công ty Cổ phần S có ký Hợp đồng cho thuê tài sản, đăng ký Giao dịch Đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục đăng ký Quốc Gia: Giaodichdambao/botuphap: theo web: https://dktructuyen.moj.gov.vn/. Cụ thể: Tài sản thuê 01 xe mô tô hai bánh biển số 66P2-335.42 ; Loại xe: VISION màu: Xanh - Đen ; Số khung: RLHJK0322MZ104180; Số máy JK03E7609533; Giá thuê: 15.192.873 đồng, thời hạn thuê là 12 tháng (từ 21/6/2024 - 21/6/2025), số tiền thuê mỗi tháng là 1.266.073 đồng. Phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng: 4%

(trong trường hợp không thanh toán đúng hạn). Phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng: 8% trên giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm. Theo Hợp đồng cho thuê xe đã ký thì Công ty đã tiến hành giao xe cho ông Lê Văn S và ông S sẽ trả số tiền thuê chiếc xe trong vòng 12 tháng, với số tiền thuê là 1.266.073 đồng/tháng như đã thỏa thuận.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng thuê, ông Lê Văn S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng cho Công ty từ ngày 21/9/2024 đến nay đã quá hạn hợp đồng hiện tại trể 359 ngày. Ông Lê Văn S không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty. Tạm tính đến ngày 15/9/2025, ông Lê Văn S còn nợ Công ty Cổ phần S số tiền thuê xe chưa trả là 12.325.873 đồng (mười hai triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm bảy mươi ba đồng).

Nhân viên của Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà ông Lê Văn S tại địa chỉ: Tổ H, ấp B, xã M, thành phố C, tỉnh Đ nhưng đều không gặp. Công ty đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để ông Lê Văn S trả lại tiền và tài sản là xe máy đã thuê cho Công ty nhưng ông Lê Văn S không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, không trả tiền thuê và trả lại tài sản thuê của Công ty. Từ nội dung sự việc trên, có thể khẳng định ông Lê Văn S đã có hành vi thuê lại tài sản của Công ty, nhận được xe thông qua Hợp đồng cho thuê xe và trả tiền thuê xe hàng tháng như đã thỏa thuận, ông Lê Văn S không thanh toàn theo hợp đồng và trả lại xe cho công ty. Công ty Cổ phần S quyết định khởi kiện ông Lê Văn S ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định pháp luật.

Công ty Cổ phần S yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung sau đây:

1. Buộc ông Lê Văn S phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô biển số: 66P2-335.42; Loại xe: VISION, Số khung: RLHJK0322MZ104180, Số máy: JK03E7609533, theo Hợp đồng cho thuê xe đã ký với Chi nhánh Đ - TP.C Công ty Cổ S ngày 21/06/2024.

2. Buộc ông Lê Văn S phải thanh toán ngay số tiền 13.818.372 đồng (Mười ba triệu tám trăm mười tám nghìn ba trăm bảy mươi hai đồng) tính đến ngày 15/9/2025, bao gồm : tiền thuê xe chưa trả 12.325.873 đồng, phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng 506.430 đồng, phí phạt vi phạm 986,069 đồng.

Ngoài ra ông Lê Văn S còn phải tiếp tục chịu tiền thuê xe, phí phát sinh theo hợp đồng cho thuê xe đã kỳ kể từ ngày 16/9/2025 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ và trả lại xe cho Công ty Cổ Phần S.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần Sawad Tiền Có Ngay thay đổi yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau:

Sau khi kiểm tra thủ tục, Công ty Cổ phần S xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Nay Công ty Cổ phần S yêu cầu ông Lê Văn S trả lại số tiền vay 10.000.000 đồng đã chuyển khoản vào ngày 21/6/2024 và yêu cầu tính lãi 0,83% từ ngày 22/6/2024 đến khi xét xử xong. Do hợp đồng mua bán xe (giấy bán xe ngày 21/6/2024) và Hợp đồng cho thuê xe ngày 21/6/2024 giữa Công ty Cổ phần S và ông ông Lê Văn S nhằm bảo đảm hợp đồng vay tài sản nên yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu các giao dịch nêu trên.

Cụ thể số tiền vay 10.000.000 đồng, lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 22/6/2024 đến ngày 13/3/2026 là 20 tháng 09 ngày (10.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 20 tháng 09 ngày) = 1.684.900 đồng. Tổng cộng số tiền lãi và gốc 11.684.900 đồng. Ông Lê Văn S đã trả cho Công ty Cổ phần S số tiền 2.867.000 đồng. Sau khi cấn trừ số tiền ông Lê Văn S đã đóng (11.684.900 đồng - 2.867.000 đồng) = 8.817.000 đồng.

Nay Công ty Cổ phần S yêu cầu ông Lê Văn S trả lại số tiền vay 8.817.000 đồng. Công ty Cổ phần S tự nguyện trả lại bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy của biển số 66P2-335.42 ; Loại xe: VISION ; Số khung: RLHJK0322MZ104180; Số máy: JK03E7609533 do Công an thành phố C, tỉnh Đ cấp cho ông Lê Văn S ngày 22/11/2023, sau khi ông Lê Văn S thực hiện xong nghĩa vụ tiền vay cho Công ty Cổ phần S.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần S, anh Nguyễn Hồ Minh M trình bày:

Vào ngày 21/6/2024, bị đơn ông Lê Văn S có vay tiền tại Công ty Cổ phần S thông qua hình thức thực hiện hợp đồng mua bán và hợp đồng cho thuê xe. Do đó, cùng ngày 21/6/2024, Công ty Cổ phần S đã chuyển vào tài khoản của bị đơn ông Lê Văn S số tiền vay 10.000.000 đồng và đồng thời đã thực hiện Hợp đồng mua bán xe (Giấy bán xe ngày…tháng 6 năm 2024) và Hợp đồng cho thuê xe ngày…tháng 6 năm 2024, đối với chiếc xe mô tô biển số 66P2-335.42 thuộc quyền sở hữu của bị đơn nhằm bảo đảm số tiền vay. Xe mô tô vẫn do bị đơn ông Lê Văn Sáu quản lý, sử dụng và Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 66P2-335.42 (bản chính) bị đơn giao cho Công ty Cổ phần S quản lý.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, bị đơn đã đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền vay và lãi tổng cộng 02 lần với số tiền 2.867.000 đồng (có phiếu thu kèm theo). Công ty Cổ phần S nhiều lần cử nhân viên đến nhà yêu cầu ông Trường trả tiền nhưng ông Trường không trả, không hợp tác, nhiều lần vắng nhà cố tình trốn tránh, Công ty Cổ phần S cam kết bị đơn vẫn còn sống và hiện đang sinh sống tại địa phương.

Nay Công ty Cổ phần S yêu cầu bị đơn ông Lê Văn S trả số tiền vay và lãi còn lại sau khi cấn trừ số tiền ông S đã nộp 2.867.000 đồng.

Cụ thể: Số tiền gốc 10.000.000 đồng x với lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 22/6/2024 đến ngày 08/5/2026, với số tiền lãi là 1.895.167 đồng (11.895.167 đồng - 2.867.000 đồng) = 9.028.167 đồng. (có bảng kê tính lãi)

Yêu cầu vô hiệu Hợp đồng mua bán xe (Giấy bán xe ngày…tháng 6 năm 2024) và Hợp đồng cho thuê xe ngày…tháng 6 năm 2024 giữa Công ty Cổ phần S và ông Lê Văn S; Công ty Cổ phần S sẽ trả lại ông Lê Văn S (bản chính) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy của biển số 66P2-335.42 ; Loại xe: VISION ; Số khung: RLHJK0322MZ104180; Số máy: JK03E7609533 do Công an thành phố C, tỉnh Đ cấp cho ông Lê Văn S ngày 22/11/2023, sau khi ông S thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền vay cho Công ty Cổ phần S.

Công ty Cổ phần S không yêu cầu cá nhân, cơ quan tổ chức nào cùng liên đới thanh toán số tiền vay và lãi với bị đơn, không cung cấp bổ sung thêm tài

liệu, chứng cứ nào khác.

Đối với bị đơn ông Lê Văn S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật tố tụng, không gửi văn bản ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ và vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện, nội dung thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cùng với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay và yêu cầu vô hiệu hợp đồng mua bán tài sản, hợp đồng thuê tài sản nên xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về dân sự - Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng thuê tài sản theo quy định tại Điều 430, Điều 463, Điều 472 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường Cao Lãnh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Lê Văn S vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu và căn cứ khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Công ty Cổ phần S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Lê Văn S thanh toán số tiền thuê và các khoản phí tính đến ngày 15/9/2025 là số tiền 13.818.372 đồng. Quá trình giải quyết nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện và xác định bản chất thực hiện các hợp đồng có liên quan nhằm che giấu hợp đồng vay tài sản. Do đó, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền vay và lãi theo quy định của pháp luật dân sự, với mức lãi suất 10%/năm thời gian tính lãi từ ngày tiếp theo của ngày vay là ngày 22/6/2024 đến ngày 08/5/2026 tổng cộng vay và lãi là 9.028.167 đồng.

Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn từ yêu cầu số tiền thuê và các khoản phí tổng cộng 13.818.372 đồng nay chỉ yêu cầu số tiền vay thực tế và lãi theo quy định tính đến ngày 14/4/2026 tổng cộng là 9.028.167 đồng không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, không bất lợi cho bị đơn.

[2.2] Công ty Cổ phần S và bị đơn ông Lê Văn S tự nguyện thực hiện các giao dịch Hợp đồng mua bán xe (Giấy bán xe ngày… tháng 6 năm 2024) và Hợp đồng cho thuê xe ngày… tháng 6 năm 2024 đối với chiếc xe mô tô biển số 66P2-335.42 thuộc quyền sở hữu của bị đơn mục đích che giấu giao dịch thực tế là hợp đồng vay tài sản và có tính lãi. Ngày 21/6/2024, Công ty Cổ S đã chuyển số tiền vay 10.000.000 đồng cho ông Lê Văn S (kèm phiếu chuyển) và ông Lê Văn S giao Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 66P2-335.42 (bản chính) cho Công ty Cổ phần S quản lý.

Như vậy, giữa nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đồng thời 03 giao dịch

hợp đồng vay tài sản, hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng thuê tài sản.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đã xác định hợp đồng thuê tài sản, hợp đồng mua bán tài sản nêu trên là hợp đồng giả tạo nhằm che giấu để thực hiện hợp đồng vay tài sản, thông qua hình thức trả tiền thuê xe hàng tháng để thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay và lãi. Tuy nhiên, bị đơn chỉ trả được vay và lãi cho nguyên đơn được 02 lần với số tiền 2.867.000 đồng.

[2.4] Đối với bị đơn quá trình giải quyết vụ án không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, không giao nộp tài liệu, chứng cứ, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp để xem xét giải quyết vụ án.

[2.5] Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 124 Bộ luật Dân sự:

"1. Khi các bên xác lập giao dịch dân sự một cách giả tạo nhằm che giấu một giao dịch dân sự khác thì giao dịch dân sự giả tạo vô hiệu, còn giao dịch dân sự bị che giấu vẫn có hiệu lực, trừ trường hợp giao dịch đó cũng vô hiệu theo quy định của Bộ luật này hoặc luật khác có liên quan."

[3] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[3.1] Hợp đồng mua bán xe (Giấy bán xe ngày… tháng 6 năm 2024) và Hợp đồng cho thuê xe ngày… tháng 6 năm 2024 là các giao dịch dân sự giả tạo nhằm che giấu giao dịch vay tài sản nên vô hiệu.

[3.2] Ông Lê Văn S có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S số tiền vay và lãi là 9.028.167 đồng.

[3.3] Công ty Cổ phần S có trách nhiệm trả lại ông Lê Văn S (bản chính) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy của biển số 66P2-335.42; Loại xe: VISION; Số khung: RLHJK0322MZ104180; Số máy: JK03E7609533 do Công an thành phố C, tỉnh Đ cấp cho ông Lê Văn S ngày 22/11/2023.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 124, Điều 131, Điều 429, Điều 430, Điều 431, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S.

1.1 Hợp đồng mua bán xe (Giấy bán xe ngày… tháng 6 năm 2024) giữa Công ty Cổ phần S và ông Lê Văn S vô hiệu.

1.2 Hợp đồng cho thuê xe ngày… tháng 6 năm 2024 giữa Công ty Cổ phần Sawad Tiền Có Ngay và ông Lê Văn S vô hiệu.

1.3 Buộc ông Lê Văn S trả cho Công ty Cổ phần S tổng số tiền vay và lãi là 9.028.167 đồng (chín triệu không trăm hai mươi tám nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng).

1.4 Công ty Cổ phần S có trách nhiệm trả lại ông Lê Văn S (bản chính) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy của biển số 66P2-335.42; Loại xe: VISION; Số khung: RLHJK0322MZ104180; Số máy: JK03E7609533 do Công an thành phố C, tỉnh Đ cấp cho ông Lê Văn S ngày 22/11/2023.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 451.408 đồng.

Công ty Cổ phần S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 345.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001357 ngày 21/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- VKSND KV6-ĐT;
- Thi hành án dân sự Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Ong Thị Ngọc Tâm